CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Cấp thoát nước Long An

Ngày 31/03/2025	31,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.0%	**10.7%**	**32.5%**

DT thuần *Q1/25*
86.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 5.20| 6.4%
YoY: ▲ 8.30| 10.7%

LN thuần *Q1/25*
5.57 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 0.76| 15.9%
YoY: ▲ 0.18| 3.4%

LN sau thuế *Q1/25*
5.61 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 2.15| 62.2%
YoY: ▲ 0.42| 8.1%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
8.1%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE (TTM) *Q1/25*
11.3%
YoY: +/-▼ 0.1%

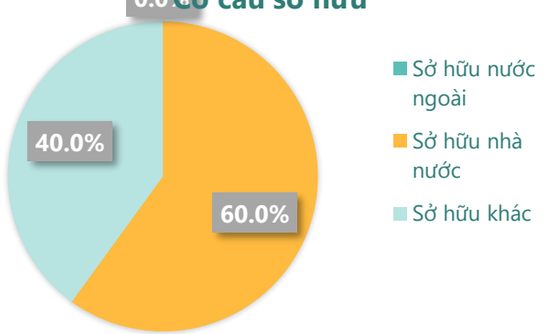
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	15,000 - 31,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	378
Số lượng CPLH (CP)	12,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.80)
EPS	1,711
P/E	18.1

DT thuần *2024*
325 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 47.0| 17.1%

LN thuần *2024*
23.2 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 8.70| 59.8%

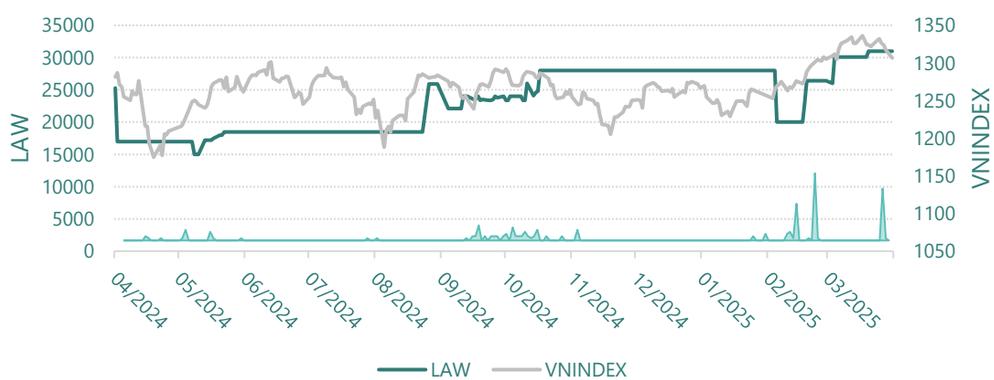
LN sau thuế *2024*
20.3 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 5.50| 36.6%

Cơ cấu sở hữu

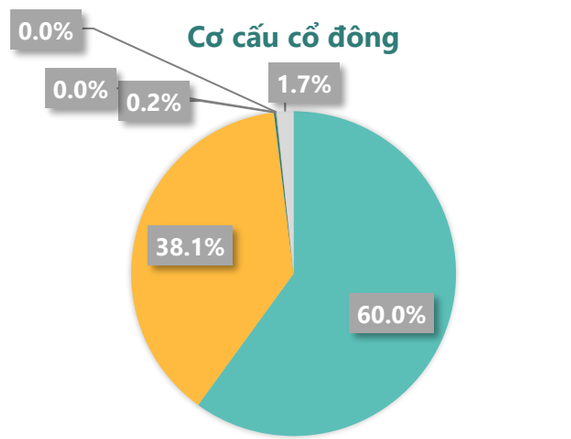


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

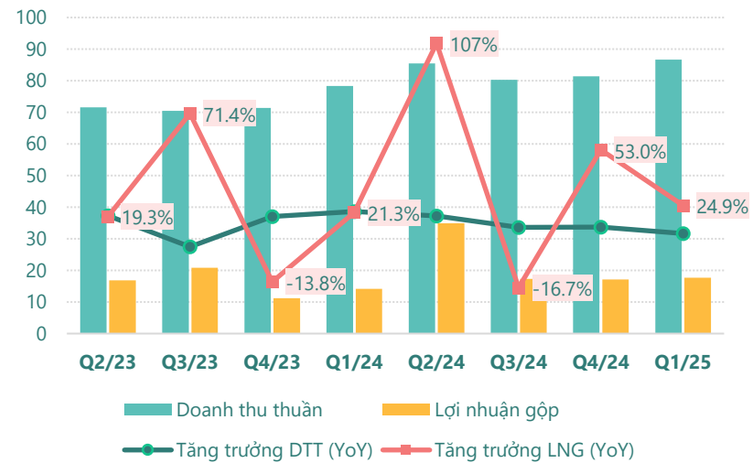


- UBND Tỉnh Long An
- CTCP - Tổng Công Ty Nước - Môi Trường Bình Dương
- Võ Quốc Lương
- Cao Duy Thanh (Trưởng ban kiểm soát)
- Nguyễn Thị Thùy Dung
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

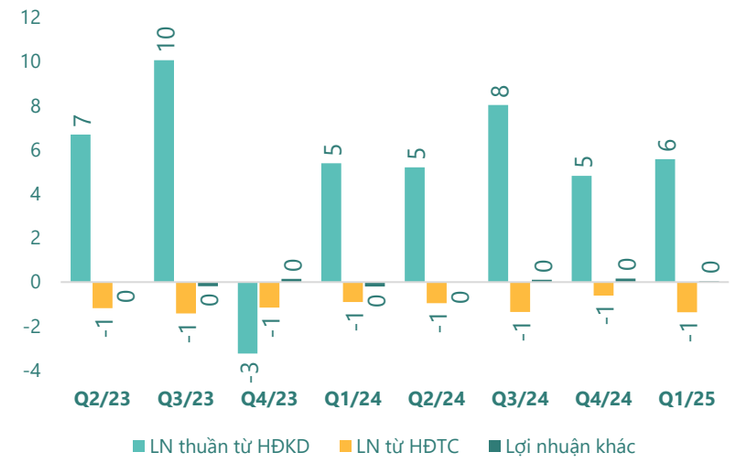
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



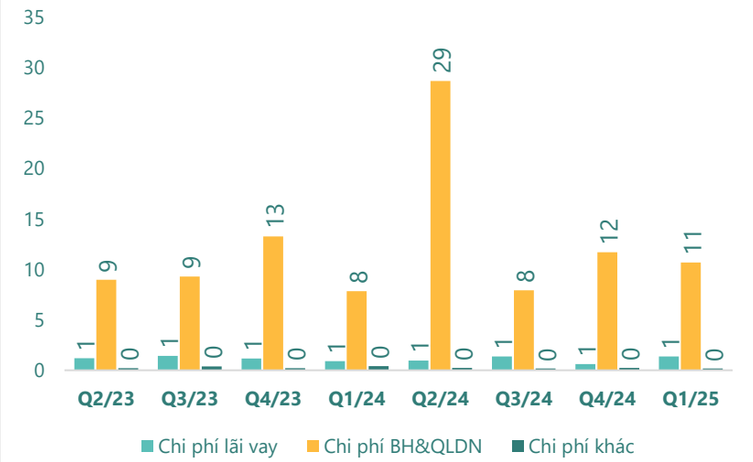
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



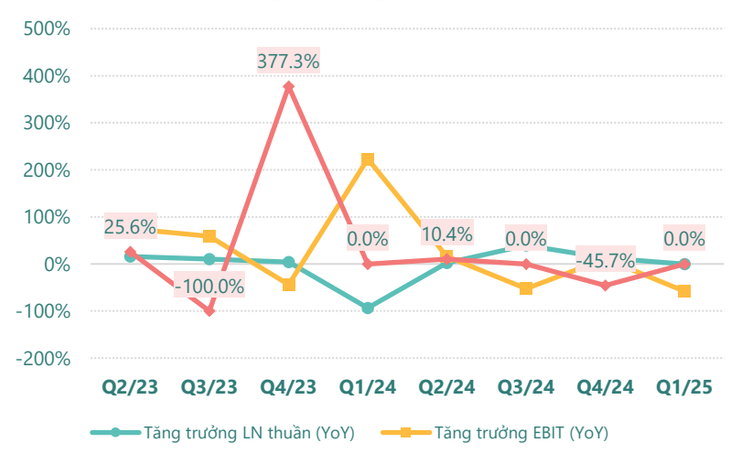
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



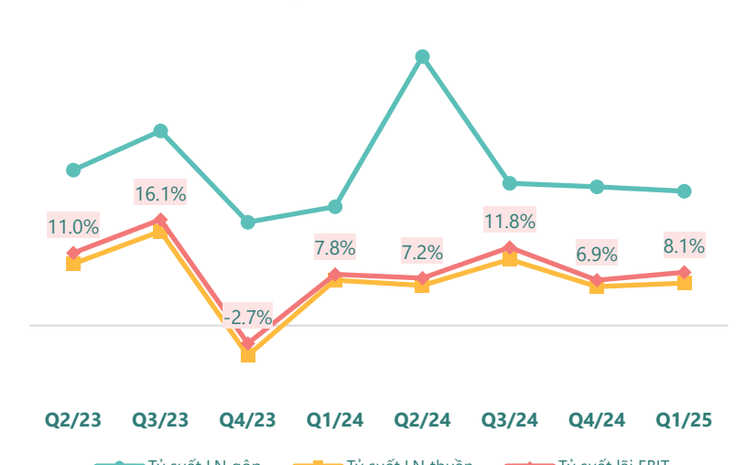
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



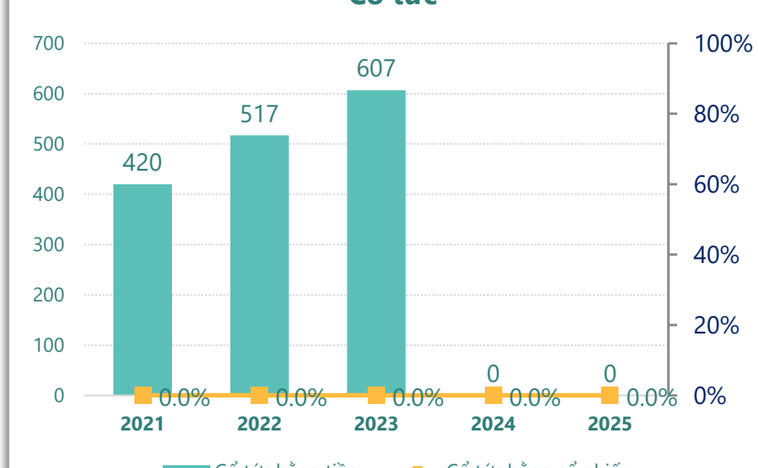
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

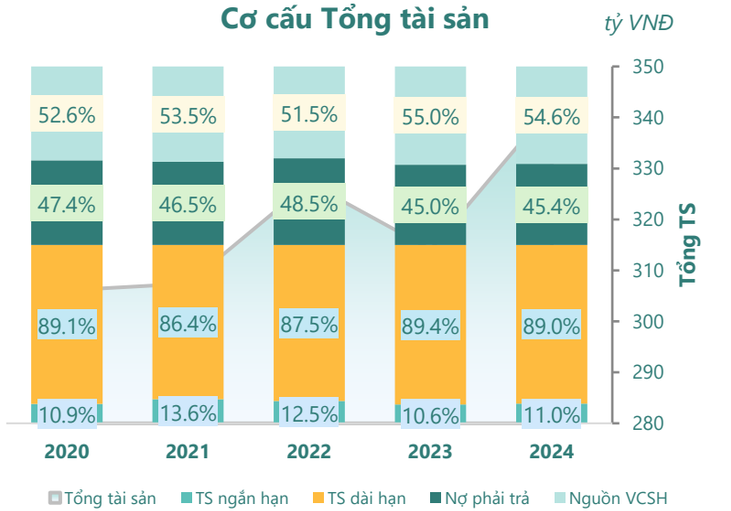
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

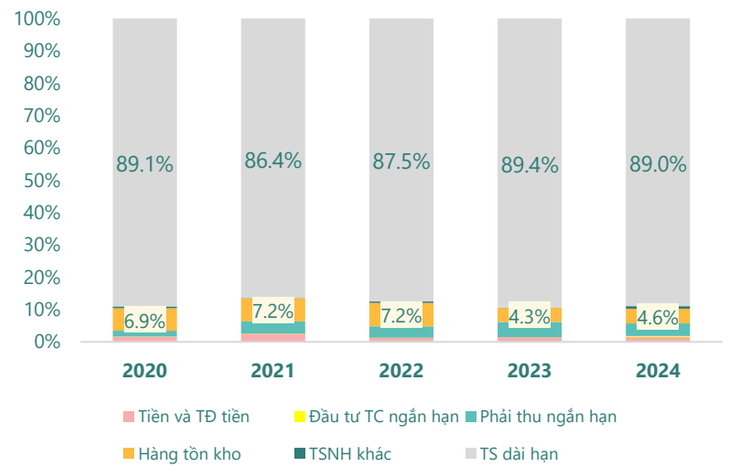
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



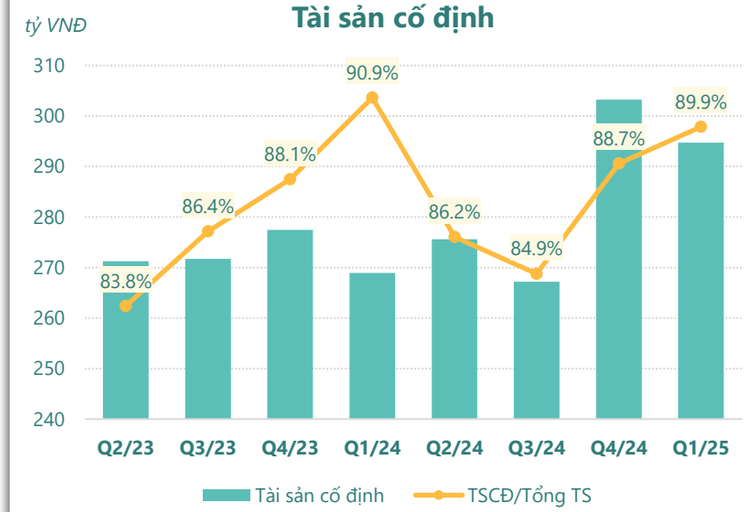
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



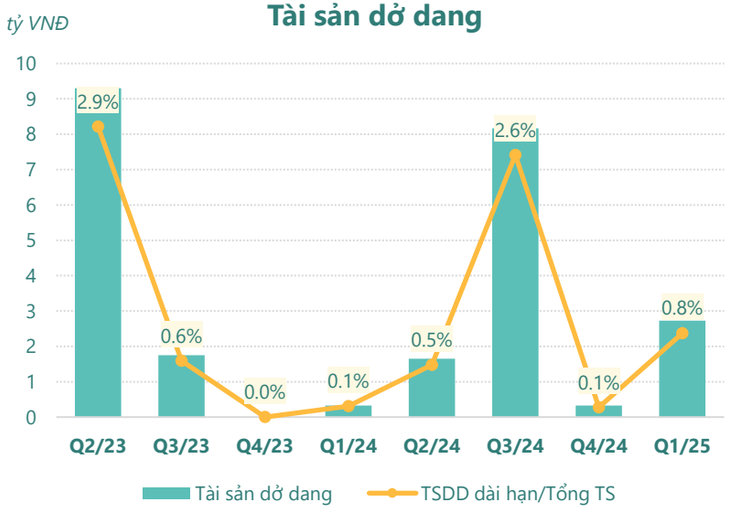
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



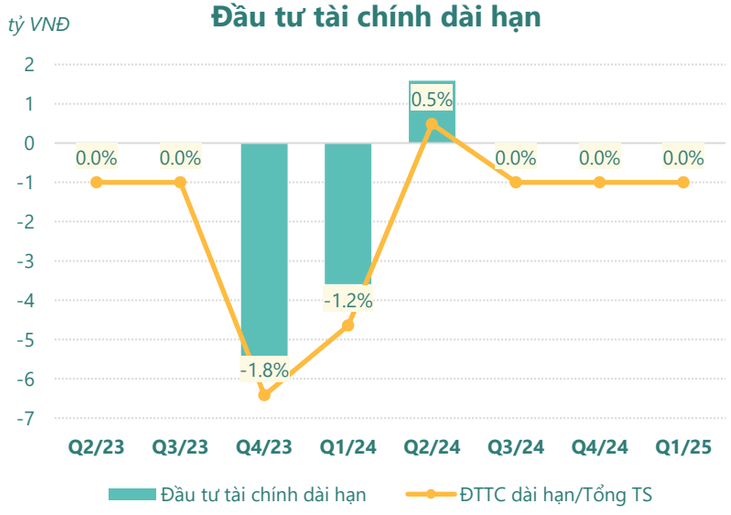
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



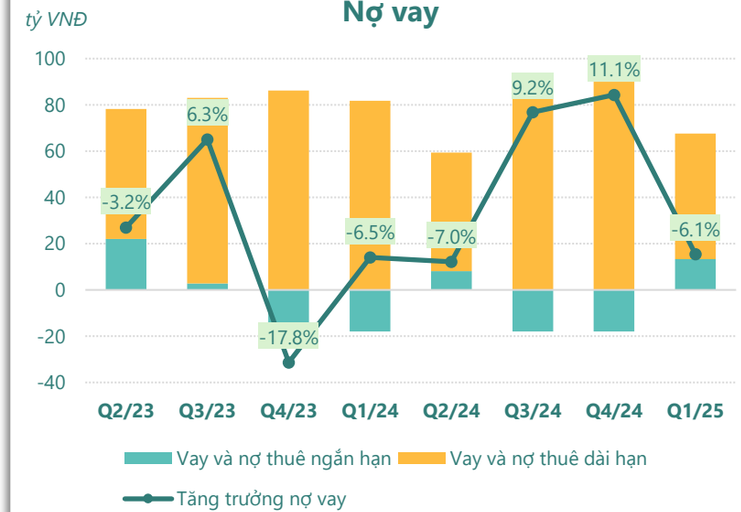
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

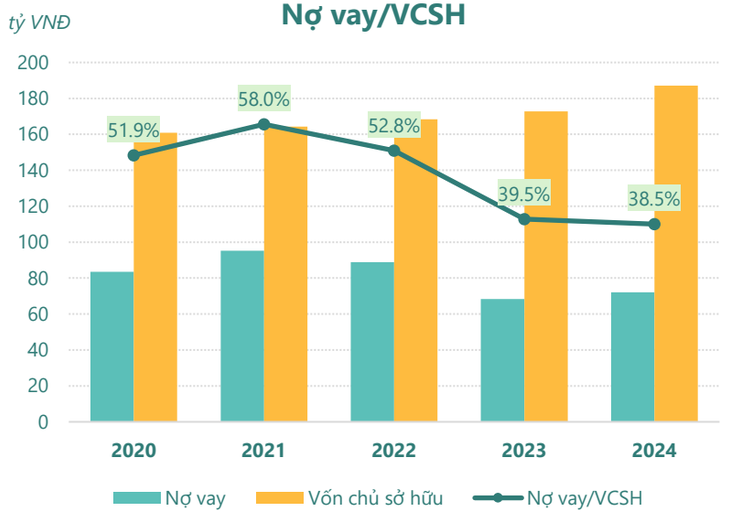
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

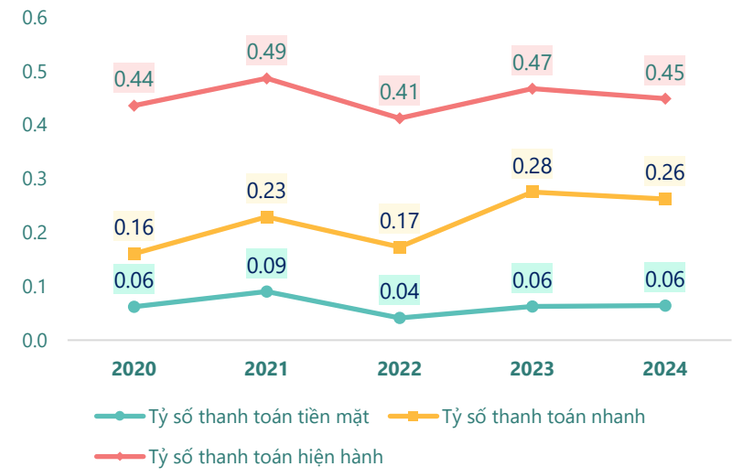
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



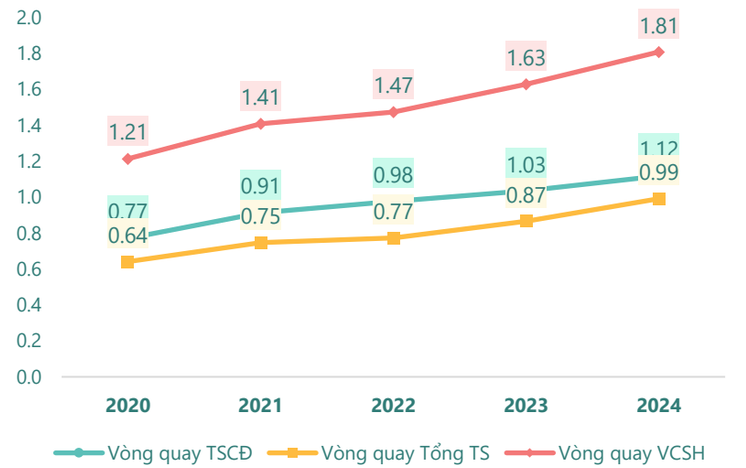
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



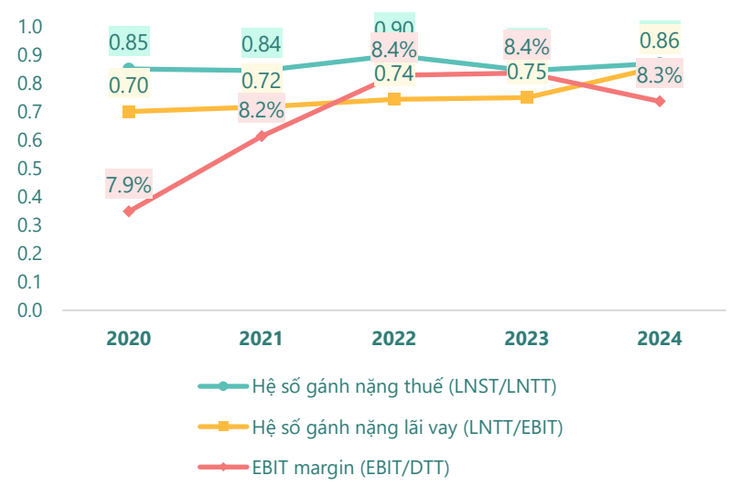
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



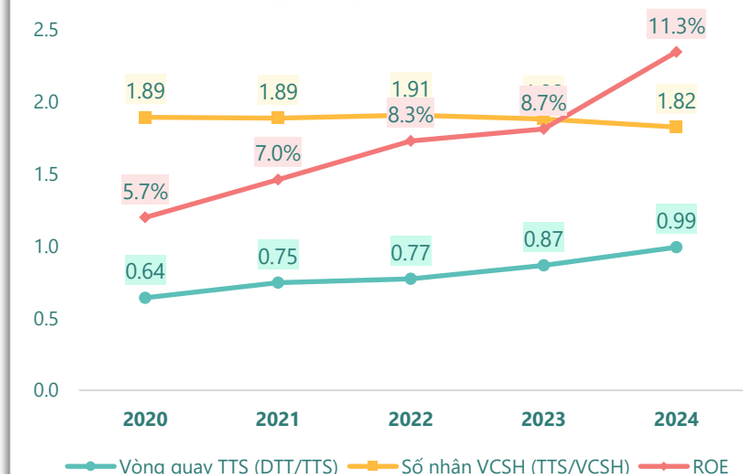
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



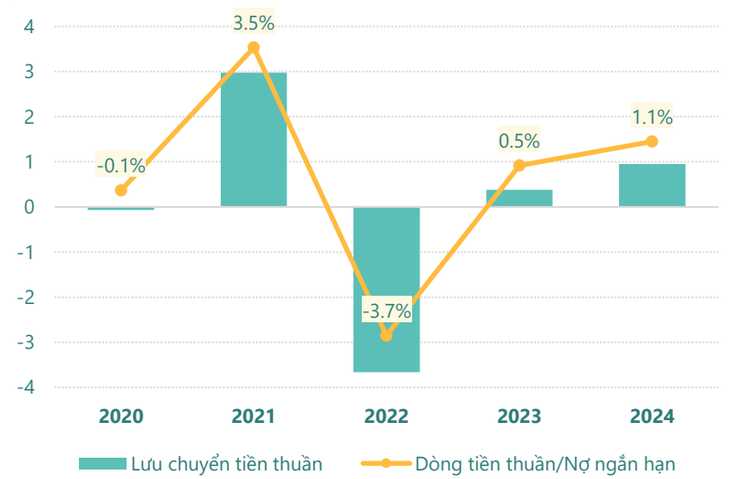
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**86.6**	**78.3**	**10.7%**	**325**	**278**	**17.1%**
Giá vốn hàng bán	69.0	64.2	7.5%	243	218	11.5%
Lợi nhuận gộp	17.6	14.1	25.1%	82.7	60.2	37.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-50.6%	0.04	0.03	49.3%
Chi phí TC	1.38	0.91	51.4%	3.86	5.87	-34.4%
Chi phí lãi vay	1.38	0.91	51.4%	3.86	5.87	-34.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	5.60	3.37	66.2%	33.8	19.5	72.8%
Chi phí QLDN	**5.09**	**4.46**	**14.2%**	**21.9**	**20.3**	**8.2%**
LN thuần từ HĐKD	5.57	5.39	3.4%	23.2	14.5	59.8%
Lợi nhuận khác	**0.04**	**-0.20**	**119%**	**0.04**	**3.02**	**-98.8%**
LN trước thuế	5.61	5.19	8.1%	23.3	17.6	32.5%
Lợi nhuận sau thuế	**5.61**	**5.19**	**8.1%**	**20.3**	**14.8**	**36.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.61**	**5.19**	**8.1%**	**20.3**	**14.8**	**36.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	30.9	9.35	12.6	3.11	4.13	12.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-9.91	7.74	0.00	0.48
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.9	-8.28	-0.60	-12.4	-4.83	-8.05
Tiền đầu kỳ	6.10	4.11	5.19	7.60	5.75	5.06
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.98**	**1.08**	**2.06**	**-1.51**	**-0.69**	**4.46**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.11	5.19	7.60	5.75	5.06	9.51

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**328**	**342**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	49.7	37.8	31.5%
Tiền và tương đương tiền	10.3	5.41	90.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.89	-100%
Phải thu ngắn hạn	19.4	13.1	48.4%
Hàng tồn kho	18.6	15.7	18.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1.46	2.73	-46.7%
Tài sản dài hạn	**278**	**304**	**-8.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	295	303	-2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.72	0.33	724%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**-19.4**	**0.97**	**-2095%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	135	155	-13.0%
Nợ ngắn hạn	**68.5**	**84.2**	**-18.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.3	13.3	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	33.9	46.0	-26.4%
Nợ dài hạn	66.6	71.0	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	54.3	58.7	-7.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**193**	**187**	**3.0%**
Vốn chủ sở hữu	**193**	**187**	**3.0%**
Vốn điều lệ	122	122	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)